

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 28, tổ 2, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh D.; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 28, tổ 2, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh D.; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2020, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (có đơn xin vắng mặt) trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hồng L tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương lần đầu vào ngày 31/12/2002, đăng ký lại vào ngày 28/7/2014.

Sau khi cưới, bà H và ông L chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau, nguyên nhân xuất phát từ kinh tế, tính tình không hợp trong cuộc sống, vợ chồng không thống nhất với nhau về cách giải quyết các vấn đề trong gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, từ giữa năm 2018 đến nay, cả hai không còn sống chung với nhau, hiện nay bà H không còn tình cảm với ông L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Trong quá trình sống chung bà H và ông L có 02 con chung tên Phạm Thu H, sinh ngày 18/02/2002 và Phạm Hồng T, sinh ngày 20/9/2003. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phạm Thu H, sinh ngày 18/02/2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông L nhưng ông L thường xuyên vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông L bằng hình thức niêm yết công khai theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, phản tố hay chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L. Kết quả: Sau khi kết hôn, bà H và ông L sinh sống tại tổ 2, ấp Chòi Dúng, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Mâu thuẫn giữa bà H và ông L là mâu thuẫn trong gia đình, do bà H và ông L không yêu cầu tổ chức đoàn thể hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng nên địa phương không nắm rõ.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Phạm Hồng T, sinh ngày 20/9/2003 trình bày nguyện vọng được mẹ ruột trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha và mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Phạm Hồng L không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn không đến tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp

luật. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Các vấn đề về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 2, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Hồng L có nơi cư trú tổ 2, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh D nhưng thường xuyên vắng mặt nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đã được thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 171, khoản 3 Điều 172 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Phạm Hồng L không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm theo Thông báo của Tòa án nhưng cũng không gửi văn bản nêu ý kiến; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phạm Hồng L.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hồng L chung sống có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cả hai bên không hợp nhau nên giữa năm 2018 đã ly thân với nhau. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến trình bày, điều đó cho thấy ông L không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà H. Qua xác minh được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông L là những mâu thuẫn trong gia đình. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông L có 02 con chung tên Phạm Thu H, sinh ngày 18/02/2002 và Phạm Hồng T, sinh ngày 20/9/2003. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Đối với con chung tên Phạm Thu H, sinh ngày 18/02/2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của cháu T theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ ruột trong trường hợp cha mẹ phải ly

hôn. Do đó, việc giao cháu T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Đối với con chung tên Phạm Thư H, sinh ngày 18/02/2002 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Hồng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Hồng L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/7/2014 cho ông Phạm Hồng L và bà Nguyễn Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Phạm Hồng T, sinh ngày 20/9/2003; ông Phạm Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Phạm Thư H, sinh ngày 18/02/2002 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hồng L đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không

ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa T niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030855 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Đào

Võ Phi Anh Toàn

Hồ Thế Chính

